CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP May mặc Bình Dương

Ngày 30/06/2025	34,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.6%	**-**	**5.3%**

DT thuần
Q2/25
462
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 107| 30.0%
YoY: ▲ 11.0| 2.3%

LN thuần
Q2/25
46.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 31.4| 211%
YoY: ▲ 0.70| 1.6%

LN sau thuế
Q2/25
40.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 27.7| 211%
YoY: ▼0.40| -1.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
10.7%
YoY: +/-▲ 5.5%

ROE (TTM)
Q2/25
23.7%
YoY: +/-▼ 1.1%

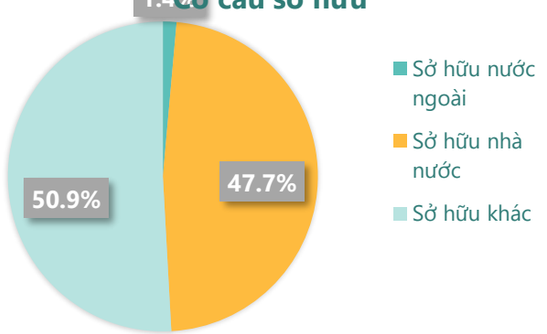
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	28,162 - 38,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	843
Số lượng CPLH (CP)	24,799,920
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,435
Sở hữu nước ngoài	1.4%
Beta	1.26
EPS	6,192
P/E	5.5

DT thuần
6T 2025
816
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.0| 1.4%

LN thuần
6T 2025
61.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.8| -16.1%

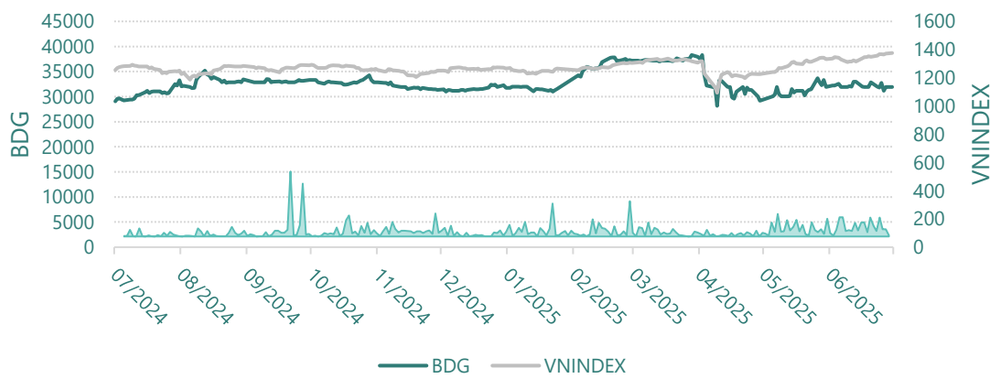
LN sau thuế
6T 2025
53.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.70| -15.3%

Cơ cấu sở hữu

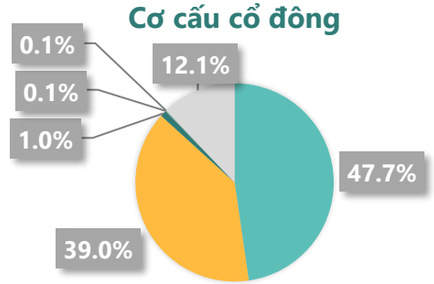


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

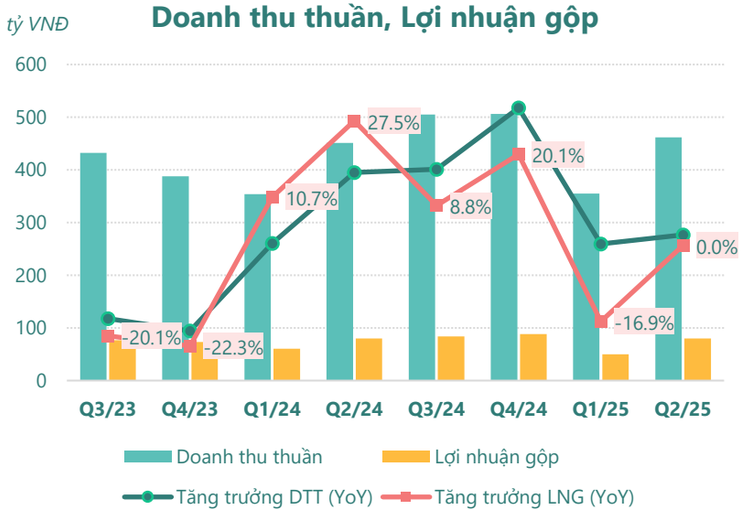


- Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
- Công ty TNHH Thương mại Việt Vương
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade
- Nguyễn Thị Trúc Thanh (Phó Tổng giám đốc)
- Nguyễn Xuân Quân (Thành viên HĐQT)

(Nguồn: fireant.vn)

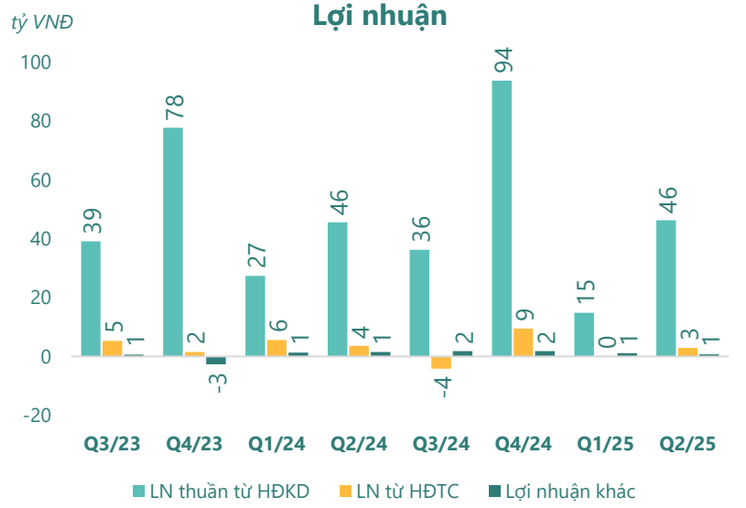
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



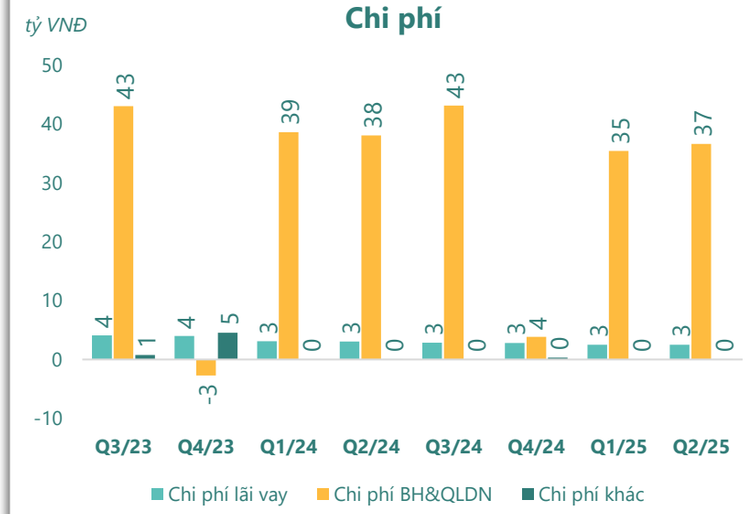
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



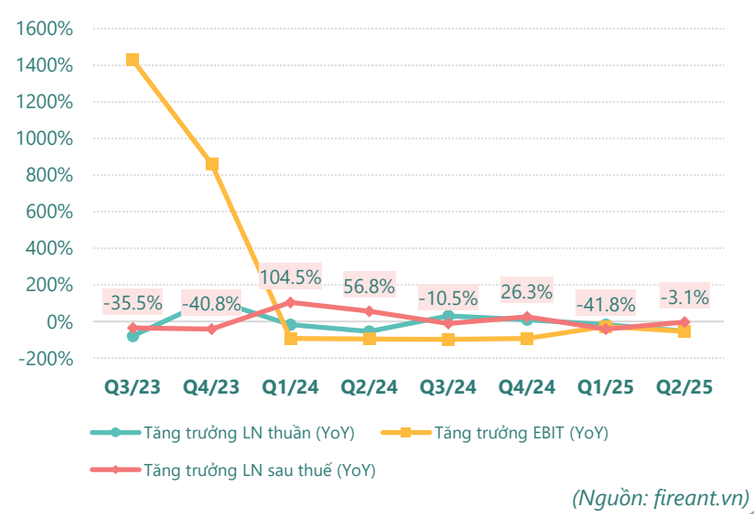
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



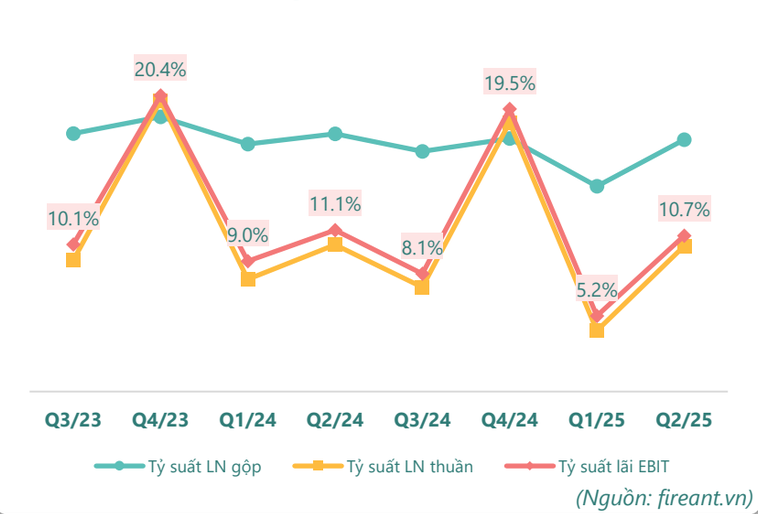
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



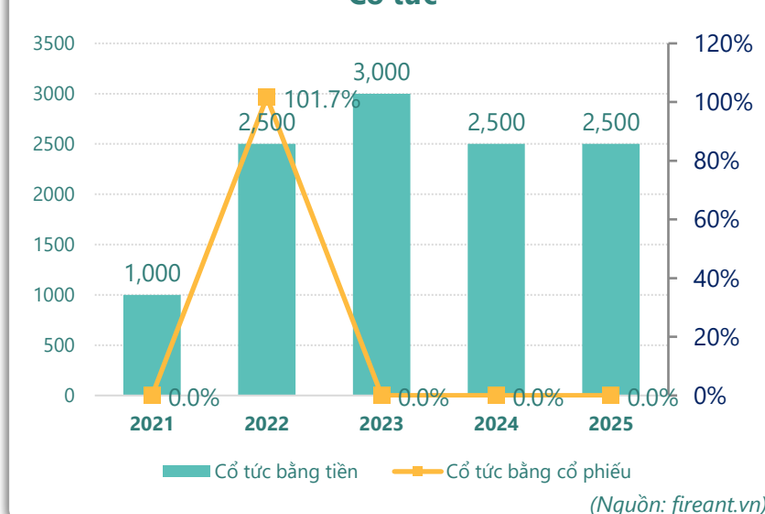
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

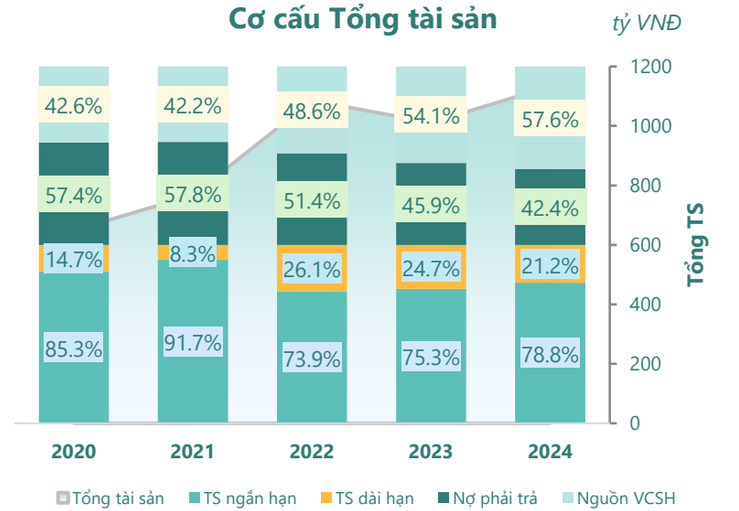
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

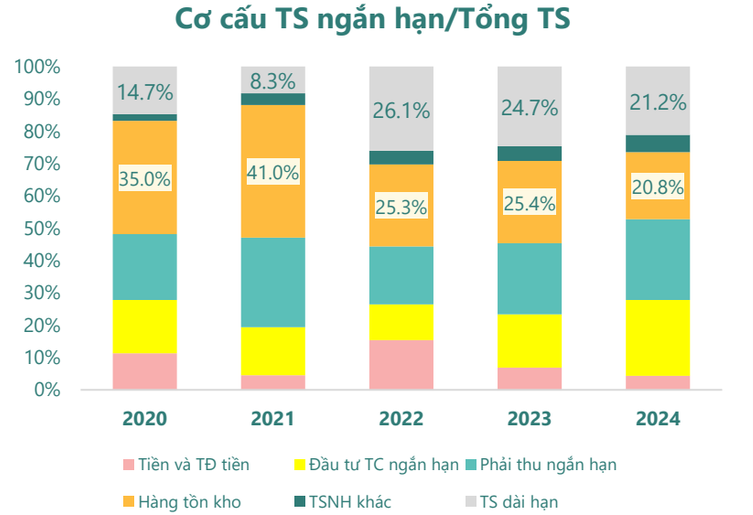
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



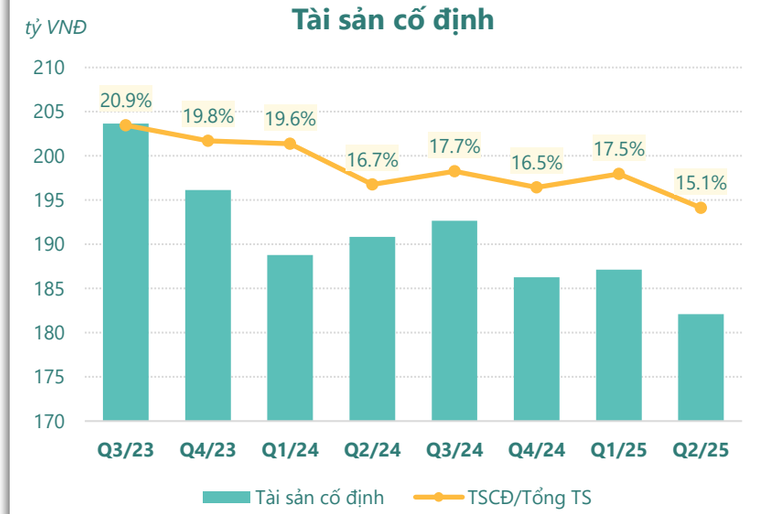
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



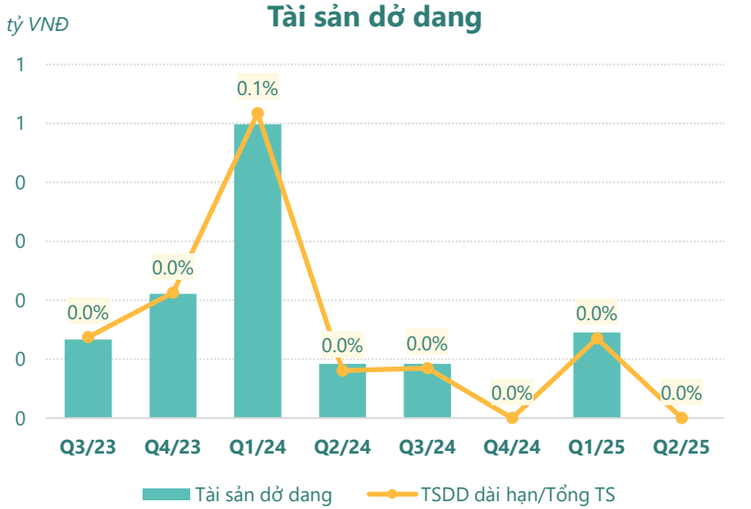
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



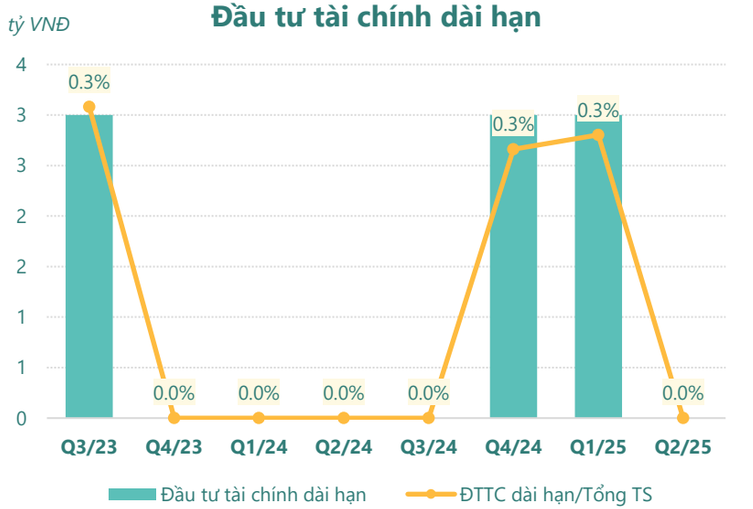
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



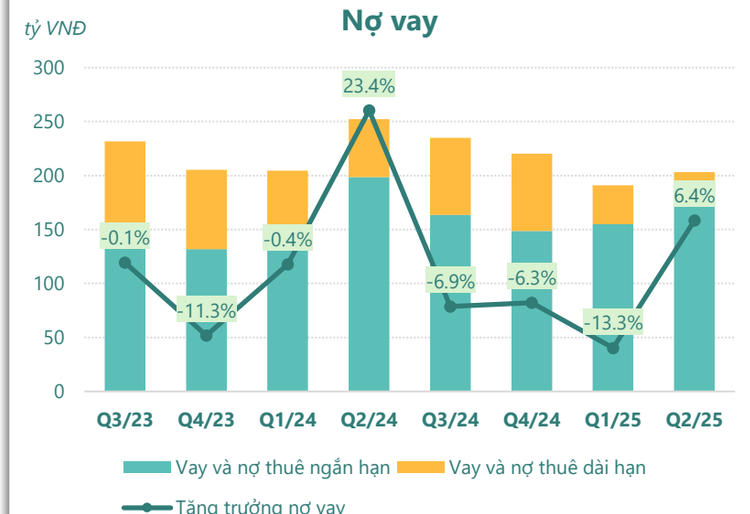
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

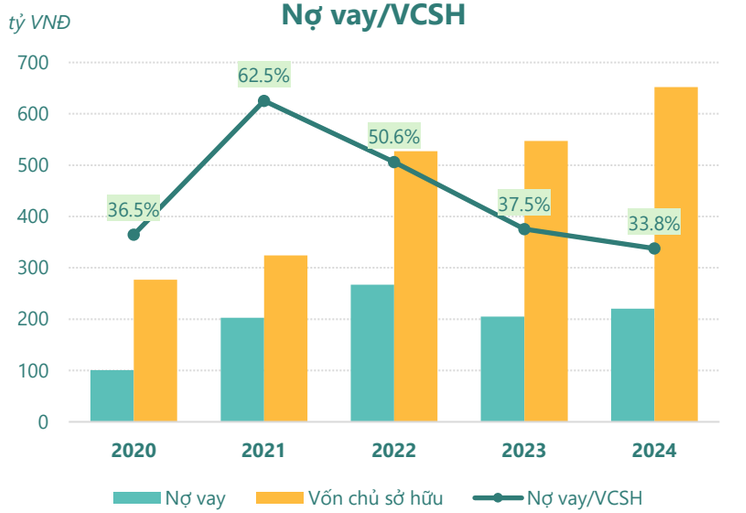
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

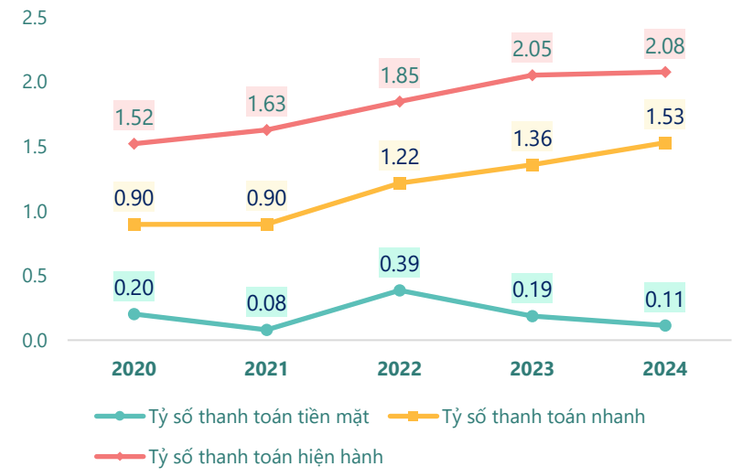
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



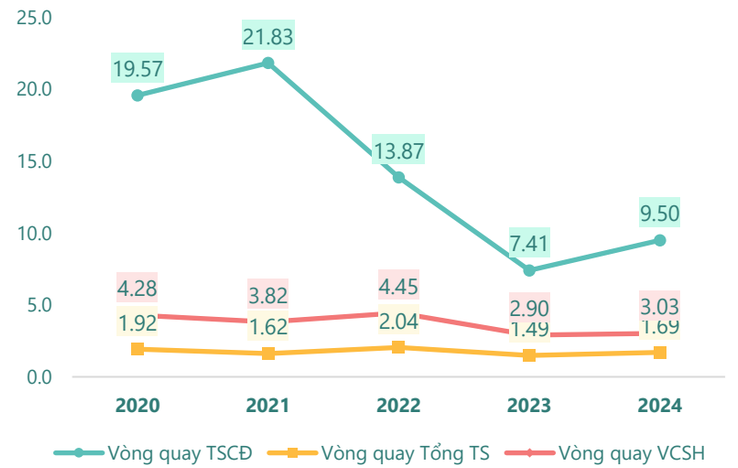
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



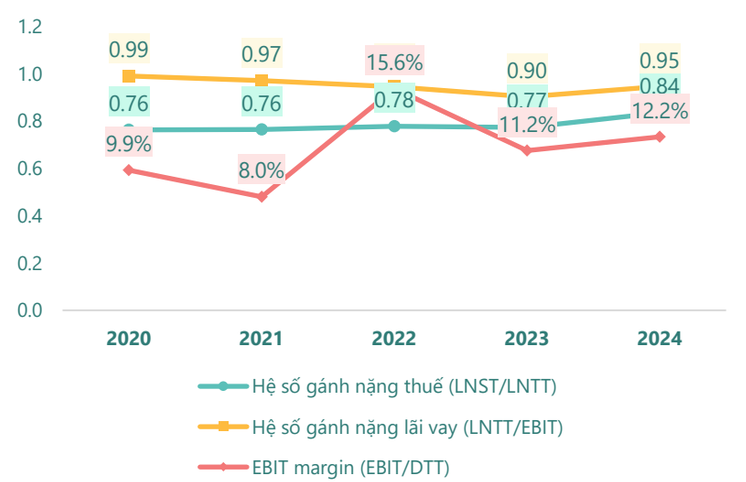
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



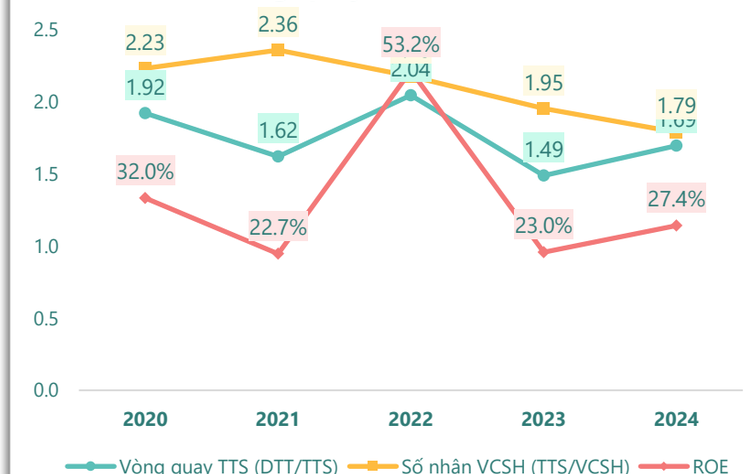
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



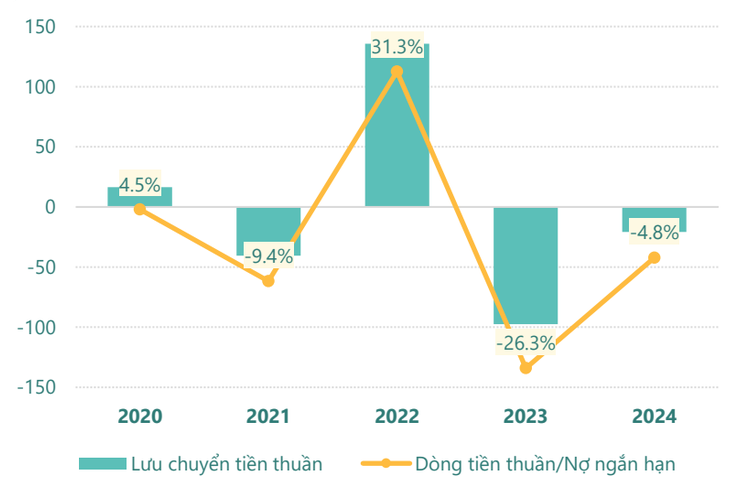
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**462**	**451**	**2.3%**	**816**	**805**	**1.4%**
Giá vốn hàng bán	381	371	2.8%	686	665	3.2%
Lợi nhuận gộp	80.1	80.1	0.0%	130	140	-7.3%
Doanh thu HĐTC	12.8	11.6	10.4%	22.9	23.4	-2.3%
Chi phí TC	9.86	8.04	22.6%	19.8	14.2	39.4%
Chi phí lãi vay	2.51	3.06	-17.8%	5.04	6.16	-18.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.48	4.29	4.5%	8.16	8.18	-0.3%
Chi phí QLDN	**32.2**	**33.8**	**-4.7%**	**64.0**	**68.5**	**-6.7%**
LN thuần từ HĐKD	46.3	45.6	1.6%	61.2	73.0	-16.1%
Lợi nhuận khác	**0.70**	**1.48**	**-52.8%**	**1.80**	**2.80**	**-35.9%**
LN trước thuế	47.0	47.1	-0.1%	63.0	75.8	-16.9%
Lợi nhuận sau thuế	**40.8**	**41.2**	**-1.0%**	**53.9**	**63.6**	**-15.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**36.7**	**36.1**	**1.7%**	**48.9**	**59.0**	**-17.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.92	34.9	44.1	50.0	9.74	-9.29
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	98.3	-118	-16.8	-90.6	22.1	90.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.39	47.9	-79.0	-15.5	-30.4	12.2
Tiền đầu kỳ	69.6	177	141	88.7	48.9	50.3
Lưu chuyển tiền thuần	**107**	**-35.1**	**-51.7**	**-56.0**	**1.45**	**93.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.21	-0.20	-0.90	0.97	-0.01	0.02
Tiền cuối kỳ	177	141	88.7	33.7	50.3	144

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,208**	**1,133**	**6.6%**
Tài sản ngắn hạn	974	893	9.1%
Tiền và tương đương tiền	144	48.9	194%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	150	265	-43.3%
Phải thu ngắn hạn	365	283	29.0%
Hàng tồn kho	270	235	14.8%
Tài sản ngắn hạn khác	44.8	59.9	-25.2%
Tài sản dài hạn	**233**	**240**	**-2.8%**
Phải thu dài hạn	0.28	0.20	38.7%
Tài sản cố định	182	186	-2.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	3.00	-100%
Tài sản dài hạn khác	**36.0**	**34.4**	**4.6%**
Lợi thế thương mại	15.0	16.1	-6.9%
Nợ phải trả	512	481	6.6%
Nợ ngắn hạn	**482**	**430**	**12.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	185	184	0.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	184	125	47.3%
Nợ dài hạn	29.5	50.7	-41.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	17.9	35.9	-50.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**696**	**652**	**6.7%**
Vốn chủ sở hữu	**696**	**652**	**6.7%**
Vốn điều lệ	248	248	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)